

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 12-3-2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tư

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-DS, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị T: anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990. Địa chỉ: đường P, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy Q ngày 03/8/2020). Có mặt.

- Bị đơn:

1. Chị Trương Thụy Thu H, sinh năm 1980. Có mặt.

2. Anh Phạm Văn Bé B, sinh năm 1973. Xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: đường Đ, Phường B, Tp. V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của chị H: Ông Lê Văn M, luật sư của Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2020, biên bản hòa giải ngày 05/11/2020, ngày 30/11/2020 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim T do anh Nguyễn Quyết Q là người đại diện hợp pháp trình bày:

Do quen biết nhau, chị T cho chị Trương Thụy Thu H vay tiền nhiều lần với số tiền 101.500.000đ. Mục đích cho vay để chị H trang trải việc học của chồng, chăm sóc cho mẹ bị bệnh, sinh hoạt trong gia đình... chị T nhiều lần yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H không trả nên chị T làm đơn khiếu nại gửi đến trường Năng khiếu thể dục thể thao tỉnh Vĩnh Long nơi chị H công tác yêu cầu trả tiền. Tại biên bản về việc giải quyết theo đơn khiếu nại, tố cáo ngày 06/3/2020 của Trường năng khiếu thể dục thể thao – thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long, chị H đã thừa nhận có vay của nguyên đơn 101.500.000đ, hứa mỗi tháng trả 1.000.000đ. Sau đó, chị H trả được 7.000.000đ rồi ngưng không trả nữa, nay chị H còn nợ chị T số tiền 94.500.000đ. Chị T yêu cầu chị H và anh Bé B là chồng chị H phải liên đới trả chị T số tiền 94.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/11/2020, ngày 30/11/2020, bản tự khai ngày 22/01/2021 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Trương Thụy Thu H trình bày:

Chị thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nhưng không thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng chị H nợ số tiền 101.500.000đ là không đúng, chị chỉ vay của nguyên đơn 90.000.000đ chia làm ba lần vay, cộng với tiền lãi 11.500.000đ gộp vào tiền gốc tổng cộng 101.500.000đ, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Chi tiết như sau:

- Lần thứ nhất: vào tháng 3/2019, vay của nguyên đơn 30.000.000đ, có làm biên nhận nhưng chị T giữ biên nhận. Chị H đã đóng lãi được 04 tháng từ tháng 4/2019 đến tháng 7/2019 là 12.000.000đ, giao trực tiếp cho chị T nhận;

- Lần thứ hai: vào ngày 08/7/2019, vay số tiền 30.000.000đ, làm hai biên nhận: chị T giữ 01 bản, chị H giữ 01 bản, chị H đã nộp cho Tòa án. Chị T yêu cầu gộp số tiền vay hai lần lại tổng cộng là 60.000.000đ. Từ 8/2019, chị H phải đóng lãi cho chị T mỗi tháng là 6.000.000đ. Chị H đã đóng lãi được 04 tháng (từ tháng 8/2019 đến tháng 11/2019 là: $60.000.000đ \times 10\% \times 4 \text{ tháng} = 24.000.000đ$) bằng hình thức chuyển khoản tổng cộng **09 lần với số tiền 21.300.000đ và đưa trực tiếp cho chị T là 4.200.000đ;**

- Lần thứ ba: tháng 12/2019, chị H vay thêm của nguyên đơn 30.000.000đ, có biên nhận nguyên đơn giữ. Lãi suất 10%/tháng, mỗi tháng đóng lãi 9.000.000đ. Vì nguyên đơn yêu cầu gộp tiền gốc của ba lần vay tiền nêu trên tổng cộng là

90.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị H không đóng lãi từ tháng 12/2019 cho đến nay, vì vậy chị T tính tiền lãi trễ là 2.500.000đ gộp vào số tiền lãi của ba khoản vay là 9.000.000đ, tổng cộng là 11.500.000đ. Sau đó, chị T cộng lãi vào vốn gốc là 101.500.000đ (90.000.000đ + 2.500.000đ = 101.500.000đ), chứ thực chất chị H chỉ vay của chị T 90.000.000đ.

Sau khi chị T khiếu nại, chị H đã trả cho nguyên đơn 7.000.000đ tiền gốc đúng như lời trình bày của nguyên đơn. Cụ thể: tháng 02/2020 trả 3.000.000đ, từ tháng 3 đến tháng 6/2020 mỗi tháng trả 1.000.000đ. Như vậy, chị H chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền 83.000.000đ, đồng ý trả nguyên đơn 83.000.000đ chứ không đồng ý trả 94.500.000đ như đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Việc đóng lãi cũng không làm biên nhận có khi đưa trực tiếp cho chị T có khi chuyển khoản, thời gian đóng lãi có khi vào ngày 5 (dl) hàng tháng có khi ngày 10 (dl) hàng tháng tùy theo thỏa thuận giữa hai bên. Chị H đã đóng lãi cho chị T tổng cộng: 37.500.000đ. Trong đó chuyển khoản 09 lần với số tiền 21.300.000đ và giao trực tiếp cho chị T nhận là 16.200.000đ.

Số tiền chuyển khoản được thể hiện tại bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 13/8/2019 đến 30/11/2019 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Long, như sau:

1. Ngày 13/8/2019, trả tiền T 2.000.000đ;
2. Ngày 15/8/2019, trả tiền T 1.000.000đ;
3. Ngày 26/8/2019, trả tiền T 3.000.000đ;
4. Ngày 11/9/2019, trả tiền T 3.000.000đ;
5. Ngày 06/10/2019, đóng lãi 23-9, số tiền 1.500.000đ, tên đối ứng Nguyễn Thị Kim T.
6. Ngày 16/10/2019, đóng lãi T 8-10, 2.000.000đ;
7. Ngày 23/10/2019, đóng lãi T 3.000.000đ;
8. Ngày 18/11/2019, Trương Thụy Thu H chuyển tiền trả T 3.000.000đ;
9. Ngày 25/11/2019, Trương Thụy Thu H chuyển tiền T 2.800.000đ

Việc chị vay tiền của nguyên đơn chồng chị là anh Bé B không biết. Mục đích vay tiền để đóng lãi lại các khoản vay khác. Vợ chồng chị đã ly thân khoản 3 năm nay, nên không liên quan gì đến nghĩa vụ của anh Bé B, nguyên đơn yêu cầu anh Bé B liên đới trả tiền vay cùng chị chị không đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2020 (bút lục số 35), bị đơn anh Phạm Văn Bé B trình bày: về mặt pháp lý thì anh và chị H là vợ chồng hợp pháp nhưng thực tế anh và chị H đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân hơn ba năm nay. Vì sợ ảnh hưởng đến việc học tập của con chung nên anh chị chưa làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Giữa anh và chị H có đời sống kinh tế riêng. Việc chị H vay tiền của chị T anh hoàn toàn không biết, chị T cũng không thông báo cho anh việc chị H vay tiền của chị T, đây là nợ riêng của chị H. Anh yêu cầu được vắng mặt trong các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quyết Q là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu chị H và anh Bé B liên đới trả nguyên đơn 94.500.000đ, không yêu cầu tính lãi. Chị H là người trực tiếp vay tiền của chị T nhiều lần với số tiền 101.500.000đ. Tại biên bản chốt nợ ngày 06/3/2020, chị H thừa nhận có nợ chị T số tiền trên, sau đó chị H trả 7.000.000đ, còn nợ 94.500.000đ. Chị H trình bày chị mượn tiền của chị T để đóng hụi cho bà L mà chị tham gia từ năm 2016 mục đích để kiếm thêm thu nhập cho gia đình, nên anh Bé B phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị H trả nợ cho chị T là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H cho rằng chỉ nợ chị T 90.000.000đ đã trả 7.000.000đ còn nợ 83.000.000đ và đã đóng lãi cho chị T số tiền 37.500.000đ nhưng chị H không cung cấp tài liệu hợp pháp để chứng minh và chị T cũng không thừa nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H: Luật sư Lê Văn M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chị H chỉ vay của chị T 90.000.000đ, nay còn nợ chị T 83.000.000đ. Biên bản làm việc ngày 06/3/2020 chốt nợ 101.500.000đ là do chị T gộp lãi 11.500.000đ vào tiền gốc. Sau đó chị H đã trả được 7.000.000đ. Đồng thời, chị H đã đóng lãi cho nguyên đơn 37.500.000đ với mức lãi suất 10%/tháng. Chị H đã chứng minh được chị chuyển khoản 21.300.000đ theo bản sao kê nộp cho Tòa án và giao trực tiếp cho chị T nhận 16.200.000đ. Chị H vay tiền anh Bé B hoàn toàn không biết nên chị H chỉ đồng ý trả nguyên đơn 83.000.000đ, không đồng ý nguyên đơn yêu cầu anh Bé B cùng liên đới trả với chị.

Chị Trương Thụy Thu H trình bày: thống nhất lời trình bày của Luật sư không bổ sung gì thêm.

Anh Phạm Văn Bé B xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Phạm Văn Bé B có đơn xin xử vắng mặt nên xử vắng mặt anh Tùg theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 465, 466, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Trương Thụy Thu H trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền vay 94.500.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị T

yêu cầu anh Phạm Văn Bé B cùng liên đới với chị H trả nguyên đơn số tiền 94.500.000đ. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện yêu cầu chị Trương Thụy Thu H và anh Phạm Văn Bé B liên đới trả nguyên đơn số tiền vay 94.500.000đ, được xác định là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Chị Trương Thụy Thu H và anh Phạm Văn Bé B cư trú tại phường 9, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Đối với bị đơn Phạm Văn Bé B có đơn xin xử vắng mặt nên xử vắng mặt anh Bé B theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung.

[2.1] Anh Q là người đại diện hợp pháp của chị T và chị H đều thừa nhận chị H có vay tiền của chị T nhưng không thống nhất số tiền đã vay, nguyên đơn cho rằng vay không có lãi, bị đơn cho rằng vay có lãi. Chị H cho rằng chỉ vay của nguyên đơn 90.000.000đ chứ không phải 101.500.000đ, đã trả được 7.000.000đ, nên chỉ nợ nguyên đơn 83.000.000đ, nhưng ngoài lời trình bày chị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, nguyên đơn cũng không thừa nhận. Phía nguyên đơn đã xuất trình biên bản về việc giải quyết theo đơn khiếu nại, tố cáo ngày 06/3/2020 của Trường năng khiếu thể dục thể thao – thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long (bút lục số 29), có nội dung chị Trương Thụy Thu H đã thừa nhận có vay của nguyên đơn 101.500.000đ, chị H xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ. Sau đó cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận chị H đã nguyên đơn 7.000.000đ tiền gốc. Nguyên đơn xác định đến nay chị H còn nợ 94.500.000đ. Chị H ngoài lời trình bày trên không có căn cứ nào chứng minh chỉ vay của chị T 90.000.000đ, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, buộc chị H trả nguyên đơn số tiền 94.500.000đ.

[2.2] Về phân lãi: Chị H cho rằng vay 90.000.000đ, lãi suất 10%/tháng, chị đã đóng lãi tổng cộng số tiền: 37.500.000đ. Trong đó: giao trực tiếp cho chị T nhận là 16.200.000đ, chuyển khoản là 21.300.000đ, chị H đã cung cấp bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 13/8/2019 đến 30/11/2019 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Vĩnh Long (bút lục từ 39 đến 41) để chứng minh số tiền lãi

mà chị H đã đóng cho chị T. Xét thấy, việc chị H chuyển tiền cho chị T 21.300.000đ là có thật nhưng nội dung chuyển tiền không thể hiện cụ thể rõ ràng là chuyển tiền đóng lãi cho khoản vay nào, cách ghi chú các lần chuyển tiền cũng khác nhau như: “Tra tiền T”, “đong lai 23-9”, “đong loi T 8-10”, nguyên đơn trình bày cho vay không có lãi, anh Q là người đại diện hợp pháp của chị T chỉ thừa nhận có nhận lãi của chị H số tiền 5.000.000đ vào 16/10/2019 và ngày 23/10/2019 nhưng không phải lãi của số tiền vay đang khởi kiện. Bị đơn chị H ngoài lời trình bày tại bản khai ngày 22/01/2021 cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh chỉ vay của nguyên đơn 90.000.000đ và đã đóng lãi cho nguyên đơn tổng cộng 37.500.000đ nên lời trình bày của chị H là chưa đủ căn cứ để xem xét.

[2.3] Chị T yêu cầu anh Bé B phải liên đới cùng chị H trả nguyên đơn số tiền như nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: chị H thừa nhận chị và anh Bé B là vợ chồng hợp pháp, chị H và chị T cũng thừa nhận chị H là người trực tiếp vay tiền của chị T, chị T giao tiền trực tiếp cho chị H nhận, anh Bé B không biết, chị H vay tiền để đóng lãi lại cho các khoản vay khác và sử dụng riêng.

Tại bản tường trình bày 17/8/2020 (bút lục số 26), anh Q là người đại diện hợp pháp của chị T trình bày: khi cho vay tiền thì chị T chỉ đưa tiền cho chị H không đưa trực tiếp cho anh Bé B, không làm biên nhận cụ thể. Quá trình cho vay nguyên đơn cũng không thông báo cho bị đơn việc cho vay tiền. Tòa án đã giao trực tiếp cho anh Q Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ ngày 24/11/2020 (bút lục số 31) yêu cầu nguyên đơn chứng minh: ông Phạm Văn Bé B có cùng bà Trương Thụy Thu H vay của bà T số tiền 101.500.000đ và bà H vay tiền của bà T nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà H, ông Bé B nhưng nguyên đơn không cung cấp được, chỉ có lời trình bày, bị đơn không thừa nhận nên không đủ căn cứ chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu anh Bé B liên đới cùng chị H trả số tiền 94.500.000đ là phù hợp với Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

Như phân tích trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là đủ căn cứ chấp nhận.

Lời đề nghị của luật sư bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của chị H có căn cứ chấp nhận một phần.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị Trương Thụy Thu H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 4.725.000đ. (cách tính $94.500.000đ \times 5\% = 4.725.000đ$).

Chị Nguyễn Thị Kim T không phải chịu án phí sơ thẩm nên hoàn trả chị T số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.362.000đ theo biên lai thu số 0005627 ngày 19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T.

Buộc chị Trương Thụy Thu H phải trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 94.500.000đ (chín mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu anh Phạm Văn Bé B liên đới cùng chị Trương Thị Thu H trả chị T số tiền nêu trên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thụy Thu H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm 4.725.000đ (bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả chị Nguyễn Thị Kim T số tiền nộp tạm ứng án phí là 2.362.000đ (hai triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005627 ngày 19/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Mỹ Thuận

